

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 229/2022/DS-ST

Ngày: 19 – 12 – 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh H

Bà Trần Thị Đ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Y – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 659/2022/TLST – DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2022/QĐXXST – DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2022/QĐST – DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại C.

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 N, phường 8, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lê Văn H, chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh kiêm trưởng phòng giao dịch (Theo Văn bản ủy quyền số 3163/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông H: Ông Huỳnh Thanh M, chức vụ: Phó phòng giao dịch Đ (Theo Văn bản ủy quyền số 07/GUQ-PGD ĐH ngày 05/9/2022)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp B2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Ông M xin vắng mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại C (viết tắt là Ngân hàng) do ông Huỳnh Thanh M đại diện trình bày như sau: Vào ngày 18/4/2014, bà Nguyễn Thị T có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại C) với Ngân hàng Thương mại C. Căn cứ vào thu nhập củ, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà T như sau: Hạn mức sử dụng là 9.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm cấp thẻ là 25,8%/năm, lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
Thẻ tín dụng Visa	472074 - 7983	9.000.000đ	18/4/2014	2,15%/tháng

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 19.450.324 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ, bà T có thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 28.100.000 đồng. Sau đó, bà T không thanh toán thêm bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là 2.979.984 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn. Tạm tính đến ngày 19/12/2022 bà T còn nợ 6.691.276 đồng. Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại C tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/12/2022 là 6.691.276 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.979.984 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.711.292 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/12/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bà T vẫn không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa và kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền đã vay. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng; Bà Nguyễn Thị T hiện đang cư trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, thẩm quyền

giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện và theo Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[3] Về thủ tục tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại C có đơn xin vắng mặt, bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[4] Các đương sự không xuất trình, giao nộp bổ sung thêm chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để xét xử vụ án.

[5] Về nội dung yêu cầu: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 18/4/2014, bà Nguyễn Thị T có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại C. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà T với hạn mức sử dụng là 9.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm cấp thẻ là 2,15% tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 19.450.324 đồng. Kể từ ngày kích hoạt thẻ, bà T có thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 28.100.000 đồng. Sau đó, bà T không thanh toán thêm bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng. Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền là 6.691.276 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.979.984 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 19/12/2022 là 3.711.292 đồng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ số tiền hiện còn nợ và số tiền mà bà T đã thanh toán, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Thị T đến Tòa để trình bày ý kiến của mình nhưng bà T vẫn vắng mặt xem như đã tự từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình trước Tòa nên phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ. Do đó, việc Ngân hàng tự nguyện khai báo về số tiền mà bà T đã thanh toán cho Ngân hàng cũng như số tiền hiện còn nợ là có thiện chí, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Về tiền lãi suất: Xét thấy, tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng do bà Nguyễn Thị T ký ngày 18/4/2014, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, thì giữa bà T và Ngân hàng thỏa thuận lãi suất là 2,15%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì việc thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về thời hạn thanh toán: Do bà Nguyễn Thị T vi phạm thời hạn trả nợ theo như thỏa thuận nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán là 6.675.780 đồng. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại C.
2. Buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại C tổng số tiền còn nợ là 6.675.780 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 2.979.984 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 19/12/2022 là 3.695.796 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 333.789 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0007103 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Q